TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15/**2020/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 4 năm 2020
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Ni.

Các Hội thẩm nhân nhân dân:

1. Bà Cao Thị Loan.

2. Bà Nguyễn Thị Hơn.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Tuấn Tín - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Thanh Bạch - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị H**, sinh năm 1977;

Địa chỉ: đường N, phường H, thành phố M, tỉnh T.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Thế D**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: đường N, phường H, thành phố M, tỉnh T.

(Có mặt chị H, vắng mặt anh D)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 15/01/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Thế D chung sống như vợ chồng từ năm 1995, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh D nhậu nhẹt, chửi mắng và đánh đập chị. Vợ chồng ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa chị với anh Nguyễn Thế D.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 18/01/1996 (đã trưởng thành); Lê Thị L, sinh ngày 03/10/2005. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản khai ngày 26/3/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thế D trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về thời điểm chung sống, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, thời điểm phát sinh mâu thuẫn và đồng ý với yêu cầu của chị H, anh yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa anh với chị Lê Thị H.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 18/01/1996 (đã trưởng thành); Lê Thị L, sinh ngày 03/10/2005. Khi ly hôn anh đồng ý giao cháu L cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và anh có đơn xin vắng mặt ngày 26/3/2020 xin được vắng mặt trong các buổi xét xử vụ án này. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Tại phiên tòa:

Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật tố tụng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Nhận thấy chị H và anh D chung sống với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn nên yêu cầu khởi kiện của chị H là có căn cứ và đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận vợ chồng giữa chị H và anh D, giao cháu L cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng do cháu Liên có nguyện vọng và đang sống với chị Hiền, anh Dũng không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Hiền không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Thế D tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, không có đăng ký kết hôn. Chị H khởi kiện yêu cầu được không công nhận vợ chồng với anh D nên đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh Nguyễn Thế D cư trú tại đường N, phường H, thành phố M, Tiền Giang nên

vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho theo quy định tại Khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

* Bị đơn anh Nguyễn Thế D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và anh có đơn xin vắng mặt ngày 26/3/2020. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Thế D tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 1995, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; điểm b, khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000; thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 do đó không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Ngày 15/01/2020, chị H khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng với anh D. Do đó, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị H và anh D là phù hợp với quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Trong thời gian chung sống như vợ chồng anh D và chị H có 02 con chung là là Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 18/01/1996 (đã trưởng thành) và Lê Thị L, sinh ngày 03/10/2005. Xét thấy, cháu L từ nhỏ sống với chị H và anh D. Chị H và anh D thống nhất giao cháu L cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu L có nguyện vọng được sống với chị H. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu L cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

Căn cứ vào các Điều 14, 15, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm b, khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000; thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn Thế D;

- Về con chung: Giao con chung là Lê Thị L, sinh ngày 03/10/2005 cho chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000985 ngày 15/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, nên xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- UBND xã Thới Sơn, TP Mỹ Tho;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Huyền Ni

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**